

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v “*Tranh chấp tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cần.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Thào A G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. (*Có mặt*).

Bị đơn: Ông Thào A S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. (*Có mặt*).

*** Những người làm chứng:**

1. Ông Thào A B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn S, xã S1, huyện S, tỉnh Lào Cai. (*Vắng mặt*).

2. Ông Thào A C, sinh năm 1966,

Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. (*Vắng mặt*).

3. Ông Thào A S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Bản H 3, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. (*Vắng mặt*).

4. Ông Hầu A S2, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Bản H, thị trấn T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. (*Có mặt*).

*** Người phiên dịch cho bị đơn:** Ông: Giàng A P, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố 26, Thị trấn T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện Bn đầu đề ngày 24/7/2017 và đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 22/8/2017, nguyên đơn là anh Thào A G trình bày: Năm 2002 ông Thào A L là bố đẻ của ông Thào A S đến đưa anh về giúp chăn trâu cho ông Thào A L tại bản H 1, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và giữa ông Thào A B (Bố đẻ anh) và ông Thào A L thỏa thuận thì anh đến ở và chăn trâu cho ông Thào A L 04 (Bốn) năm thì

ông L phải cho anh 01 con trâu. Hết thời gian thỏa thuận thì ông Thào A B đến nhà ông Thào A L lấy trâu và đưa anh về huyện Sa Pa ở.

Anh ở với ông L được 03 (B) năm thì ông Thào A L bị tai nạn giao thông chết, anh tiếp tục ở với anh Thào A P (con trai ông Thào A L) thêm 01 năm nữa. Sau khi anh ở đủ 04 (Bốn) năm với gia đình ông thì anh P có cho anh 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 04 tuổi (*Theo thỏa thuận giữa ông Thào A B và ông Thào A L năm 2002*). Sau khi ông Thào A B đến đón anh về thì ông Thào A S (con trai ông Thào A L) đồng thời cũng là anh em con chú con bác của anh đến thỏa thuận với bố anh là tiếp tục cho anh về ở cùng với gia đình ông S để giúp việc cho ông S, đến khi anh có nhu cầu lấy vợ thì ông S sẽ tổ chức lấy vợ cho. Đến năm 2010 thì ông S có tổ chức lấy vợ cho anh và anh tiếp tục ở cùng với gia đình ông S đến năm 2012 thì ra ở riêng, cũng tại thời điểm năm 2012 ông S chia cho anh 07 thửa ruộng để làm ăn, đổi lại anh phải cho ông S 01 con trâu, việc cho ruộng và giao trâu đều có người làm chứng Bo gồm các ông Thào A B Thào A C, Thào A S, Hầu A S1, Lý A V. Đến tháng 10/2014 ông đã tự ý san gạt đất ruộng để trồng chè lên mảnh đất đã chia cho anh năm 2012 và không chịu trả lại đất ruộng cho anh, anh đã đòi lại 01 con trâu mà anh đã giao cho gia đình ông S nhưng gia đình ông S cũng không trả. Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S trả lại lại anh 02 con trâu, tổng trị giá khoảng 30.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2018 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Thào A S trình bày:

Về thời gian anh Thào A G đến ở và làm việc tại nhà bố đẻ ông (Ông Thào A L) là đúng, năm 2002 bố ông bị tai nạn giao thông chết, anh G tiếp tục ở cùng Thào A P (Ông Páo là em trai ông ở cùng bố mẹ ông), ở được thời gian thì anh G có xích mích với vợ của ông P nên vợ của ông P có đuổi anh G đi, sau đó anh G đến nhà ông ở nhờ, khoảng 03 đến 04 ngày sau thì bố đẻ anh G đến đón về Sa Pa, nhưng anh G không về vì hoàn cảnh gia đình nhà anh G khó khăn. Sau đó bố anh G, là ông Thào A B sang nói với ông là cho anh G ở cùng gia đình ông để làm ăn, sau này anh G có nhu cầu lấy vợ thì ông sẽ tổ chức cho. Khi anh G đến ở có mang theo 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, giữa ông và ông Thào A B có thỏa thuận là gia đình ông cho anh G ở nhờ, còn con trâu anh G mang đến nhà ông để nuôi sau này anh G lấy vợ sẽ bán trâu để lấy tiền tổ chức đám cưới cho anh G. Đến năm 2010 gia đình ông đã tổ chức đám cưới cho anh G, nhưng gia đình ông không bán con trâu mà anh G đã mang đến mà lấy tiền của gia đình ông để tổ chức đám cưới cho anh G hết 14.000.000 đồng, còn con trâu tiếp tục để nuôi sau này ông chết sẽ làm lý theo phong tục đồng bào dân tộc Mông, việc để lại con trâu nuôi để làm lý bố con anh Thào A G đều biết và nhất trí.

Đến năm 2012 anh G đã ra ở riêng và có mang theo 03 con trâu sang nhà bố vợ anh G là ông Hầu A S để chăn nuôi, tại bản H, thị trấn Tân Uyên, khoảng 03 tháng sau đến mùa làm ruộng anh G lại mang trâu về cày ruộng, sau đó bố anh G nói với anh G là mang cho ông một con nghé để sau này ông chết để làm lý vì ông đã tổ chức đám cưới và chia ruộng cho anh G, anh G nhất trí đưa cho ông một con trâu, nay gia đình ông đang nuôi và con trâu này đã đẻ 01 con trâu con. Nay anh G yêu cầu gia đình ông phải trả lại trị giá con trâu mà anh G giao cho gia đình ông năm 2012 và 01 con trâu con do con trâu anh G giao cho gia đình ông năm 2012

đẻ ra, ông không đồng ý, vì gia đình ông đã không lấy tiền bán trâu để tổ chức đám cưới cho anh G mà lấy tiền của gia đình ông để tổ chức còn con trâu để sau này làm lý theo phong tục, mặt khác khi anh G mang con trâu đến gia đình ông thì gia đình ông cũng chăm sóc con trâu đó cùng với anh G.

Tại phiên tòa phía bị đơn là ông Thảo A S khai đối với con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi mà anh G giao cho gia đình ông tại thời điểm năm 2012 thì gia đình ông đã bán đi năm 2014 được số tiền là 17.000.000 đồng. Trước khi bán thì con trâu này đã đẻ được 01 con nghé con, tính đến thời điểm hiện tại con nghé này cũng đã được khoảng 05 tuổi và con nghé này tiếp tục đẻ được một con nghé con khác hiện đã được khoảng 08 tháng tuổi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2019 của người làm chứng ông Thảo A C, trú tại bản H 2 xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên thể hiện ông là chú ruột của ông S và là chú họ của anh G. Ông có được tham gia làm chứng cho việc ông S cho anh G 07 thửa ruộng và cũng được tham gia việc anh G giao cho ông S 01 con trâu cái, màu lông đen, việc giao ruộng và giao trâu không làm giấy tờ. Ông không biết lý do của việc ông S chia ruộng cho anh G và anh G giao 01 con trâu cho ông S là gì.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 và ngày 24/12/2019 người làm chứng là ông Thảo A S trình bày: Ông là chú của ông S và là chú họ của anh G, ông có được tham gia làm chứng cho việc ông S giao ruộng cho anh G còn không được tham gia làm chứng việc anh G giao trâu cho ông S và ông chỉ nghe nói là anh G có giao 01 con trâu cho ông S để sau này ông S chết thì lấy con trâu mà anh G đã giao để làm lý theo phong tục của đồng bào dân tộc Mông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2019 người làm chứng là ông Thảo A B khai: Bn đầu anh G là con trai ông đến ở và giúp việc cho gia đình ông Thảo A L, là bố đẻ của ông Thảo A S với thỏa thuận là anh G ở với gia đình ông L một thời gian thì ông L phải cho anh G 01 con trâu, tuy nhiên anh G ở với ông L chưa đủ thời gian theo thỏa thuận thì ông L chết. Anh G tiếp tục ở với con trai ông L là ông Thảo A P đến đúng thời gian thỏa thuận thì ông P có cho anh G 01 con trâu, ông có sang nhà ông P đón anh G về nhưng ông S có bàn bạc với ông là để anh G ở lại ở cùng với gia đình ông S, ông S có trách nhiệm lấy vợ và chia ruộng cho anh G làm ăn. Khi anh G sang ở với ông S thì có mang theo 01 con trâu sang nhà ông S, mục đích anh G mang con trâu sang nhà ông S là để ông S chia cho anh G 07 thửa ruộng. Ngày ông S chia ruộng cho anh G thì ông S có gọi ông đến để làm chứng và ông S có dẫn những người làm chứng ra để chỉ từng thửa ruộng và ông cũng được tham gia việc anh G giao 01 con trâu cho ông S. Ông cũng là người đồng bào dân tộc Mông tuy nhiên ông thể hiện đồng bào dân tộc Mông không có phong tục tập quán nào là khi mọi người sống với nhau một thời gian đến khi không còn ở với nhau thì phải để lại tài sản hay vật dụng gì để làm kỷ niệm hay làm lý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2019 của người làm chứng là ông Hầu A S, là bố vợ của nguyên đơn thể hiện: Bn đầu anh G ở với ông Thảo A L, khi ông L chết được một thời gian thì bố đẻ anh G đón anh G về nhưng giữa bố đẻ anh G và ông S thỏa thuận tiếp tục cho anh G ở với gia đình ông S. Về thời điểm ông S giao cho anh G và anh G giao cho ông S 01 con trâu thì ông có được tham gia chứng kiến

cùng với ông Thào A C, bố đẻ anh G là ông Thào A B, ông Thào A L, ông Lý A V, hiện ông L và ông V đã chết. Việc ông S chia ruộng cho anh G là cho hẳn chứ không phải cho mượn, tuy nhiên không làm giấy tờ gì cả. Anh G có canh tác được 03 năm trên số diện tích đất mà ông S đã chia thì ông S lấy lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/4/2018 nguyên đơn, bị đơn nhất trí với các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và không bổ sung gì. Tại biên bản hòa giải lần 01 ngày 10/4/2018 nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện như đã ghi trong đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên giải quyết yêu cầu gia đình ông Thào A S trả lại cho anh 01 con trâu mẹ mà ông S đã bán và 01 con trâu nghé có trị giá là 30.000.000đ (*B mươi triệu đồng*).

Bị đơn ông Thào A S không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thào A G. Lý do việc anh G đến ở nhà ông có nuôi 01 con trâu và đã đẻ được 01 con nghé, khi anh G ra ở riêng có để lại cho gia đình ông 01 con trâu nghé khoảng 03 tuổi, mục đích là gia đình ông đã cưới vợ cho Thào A G, việc để lại con trâu là để làm lý, chứ không phải đòi ruộng lấy trâu.

Ngày 08/5/2018 Tòa án đã Bn hành quyết định định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá số: 01/2018/QĐ-ĐG, đồng thời Ủy Bn nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu đã cung cấp danh sách thành viên tham gia hội đồng định giá tài sản. Đến ngày 30/9/2019 tại biên bản định giá tài sản số: 01/2019/BBĐG Hội đồng định giá đã định giá 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng và 01 con trâu 03 tuổi có giá trị 13.360.000 đồng. Nguyên đơn anh Thào A G nhất trí với kết quả định giá còn bị đơn ông Thào A S không nhất trí với kết quả định giá và không ký tên vào biên bản định giá.

Ngày 23/4/2018 bị đơn là ông Thào A S có yêu cầu phản tố: Yêu cầu nguyên đơn trả lại 30 Bo thóc vì đã mượn ruộng làm trong 03 năm và số tiền tổ chức cưới là 17.000.000 đồng thì ông mới nhất trí trả lại cho anh G con trâu anh G đã giao cho ông năm 2012.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn ngày 07/11/2019 bị đơn trình bày: Ông nhất trí trả lại con trâu mà anh G đã giao cho gia đình ông năm 2012 cho anh Thào A G, nhưng anh G phải trả lại cho ông số tiền mà ông đã tổ chức đám cưới là 14.000.000 đồng và số thóc mà anh G đã mượn ruộng để làm hoặc ông chỉ trả anh G 01 con trâu bằng lúc thời điểm anh G giao 01 con trâu cho gia đình ông là khoảng 03 tuổi đổi lại anh G phải trả ông số tiền gia đình ông đã tổ chức đám cưới là 14.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải lần 02 ngày 10/01/2020 nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Thào A S trả lại 02 con trâu có giá trị 35.440.000 đồng theo kết luận định giá tài sản. Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Hai bên thỏa thuận số tiền tổ chức đám cưới cho Thào A G là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Thào A G rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay anh chỉ đề nghị ông S phải trả cho anh 01 con trâu cái, khoảng 03 tuổi, màu lông đen bằng giá trị của con trâu mà anh đã giao cho ông S tại thời điểm năm 2012.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo các điều 39, 48, 198, 203, 205, 208, 209, 210, 220 và các điều tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 109, 116, 117, 119, 122, 127, 131, 132, 158, 166, 167 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S1 dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thảo A G đối với nội dung yêu cầu bị đơn ông Thảo A S phải trả 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thảo A G đối với nội dung yêu cầu bị đơn ông Thảo A S trả 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019. Buộc bị đơn ông Thảo A S phải trả lại cho nguyên đơn anh Thảo A G 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Thảo A S về việc đòi lại số tiền tổ chức đám cưới cho anh Thảo A G là 10.500.000 đồng và 30 Bo thóc.

Về án phí: Bị đơn ông Thảo A S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí phản tố không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trực tiếp tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp tài sản, căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả giá trị 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019. Nay yêu cầu bị đơn phải trả 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019.

Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu phía nguyên đơn trả lại tiền đã tổ chức đám cưới năm 2012 cho nguyên đơn là 10.500.000 đồng và 30 Bo thóc mà nguyên đơn đã mượn ruộng của bị đơn canh tác trong 03 năm.

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Năm 2002 anh Thào A G đến ở và giúp việc tại gia đình nhà ông Thào A L và thỏa thuận anh G ở và giúp việc cho gia đình ông L 04 năm thì ông L sẽ cho G một con trâu, anh G ở được 03 năm thì ông L chết, anh G tiếp tục ở thêm một năm nữa thì ông Thào A P (Là con trai ông L) cho G một con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi như đã thỏa thuận. Đến năm 2006 do mâu thuẫn với vợ ông Thào A P nên vợ ông Thào A P đã đuổi anh G đi, anh G có sang ở nhờ cùng gia đình ông Thào A S (Con ông Thào A L), cũng tại thời điểm năm 2006 ông Thào A S đã thỏa thuận với bố đẻ của anh G là ông Thào A B với nội dung anh G tiếp tục sang ở cùng với gia đình ông Thào A S và đến khi nào anh G có nhu cầu lấy vợ thì ông S sẽ tổ chức cưới vợ cho anh G. Đến năm 2010 ông Thào A S tổ chức cưới vợ cho anh G và anh G tiếp tục ở cùng với gia đình ông S đến năm 2012 thì anh G ra ở riêng và ông S đã gọi những người làm chứng đến để chia cho anh G 07 thửa ruộng để canh tác, đồng thời vài ngày sau anh G mang cho ông S một con trâu cái, màu lông đen khoảng 03 tuổi đến nhà ông S để sau này ông S chết sẽ lấy con trâu này để làm lý theo phong tục của đồng bào dân tộc Mông.

Căn cứ vào các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng có thể khẳng định: Việc nguyên đơn anh Thào A G đến ở và giúp việc cho ông Thào A S từ năm 2006 theo thỏa thuận và tại thời điểm năm 2012 khi anh G ra ở riêng thì ông S có chia cho anh G 07 thửa ruộng để làm ăn đồng thời anh G có giao 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi cho ông S là có thật.

Tại thời điểm năm 2006, khi anh G sang ở cùng với gia đình ông S, theo lời khai của bị đơn – ông Thào A S thì giữa ông và bố đẻ của anh G là ông Thào A B là anh G ở cùng gia đình ông S đến khi nào anh G có nhu cầu lấy vợ thì ông S sẽ tổ chức cho đồng thời anh G phải đưa cho ông S 01 con trâu để sau này ông S chết sẽ lấy con trâu này để làm lý theo phong tục đồng bào dân tộc Mông, tuy nhiên theo lời khai của người làm chứng là ông Thào A B, là bố đẻ của anh G thì việc anh G giao 01 con trâu cho ông S là do ông S đã chia 07 thửa ruộng cho anh G để làm ăn thì anh G phải để lại cho ông S 01 con trâu để sau này ông S chết thì sẽ lấy con trâu này làm lý. Mặt khác xét về thời điểm các bên thực hiện việc giao ruộng, giao trâu, theo lời khai của bị đơn thì việc anh G giao cho ông 01 con trâu là do ông đã cho anh G ở và ông tổ chức cưới vợ cho anh G. Anh G ở với gia đình ông S từ năm 2006 đến năm 2010 thì ông S tổ chức cưới vợ cho anh G, sau khi cưới vợ anh G tiếp tục ở cùng với gia đình ông S đến năm 2012 mới ra ở riêng, việc anh G giao 01 con trâu cho ông S thực hiện sau thời điểm ông S gọi những người làm chứng đến để chia cho anh G 07 thửa ruộng, ông S có khai là cho anh G mượn ruộng để làm ăn chứ không phải cho hẳn, tuy việc ông S giao ruộng cho anh G không có tài liệu nào thể hiện nhưng theo lời khai của ông Thào A B thì việc giao ruộng cho anh G này là cho hẳn chứ không phải cho mượn. Đến năm 2014 thì ông S đã tự ý san gạt mặt bằng và trồng chè lên diện tích đất ruộng mà ông đã chia cho anh G năm 2012 và không thông báo gì cho anh G, anh G đã đòi lại con trâu anh đã giao cho ông S nhưng ông S không trả. Việc các bên giao ruộng và giao trâu là hoàn toàn tự nguyện, phía bị đơn không chứng minh được việc ông cho phía nguyên đơn mượn ruộng là có căn cứ.

Tại phiên tòa nguyên đơn – anh Thào A G rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung bị đơn phải trả giá trị 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nên đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này. Nay anh chỉ yêu cầu bị đơn ông Thào A S phải trả anh 01 con trâu cái khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019.

Tại phiên tòa bị đơn, ông Thào A S trình bày đối với con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi mà nguyên đơn anh Thào A G đã giao cho gia đình ông năm 2012 thì gia đình ông đã bán vào năm 2017, trước khi bán thì con trâu này đã đẻ được 01 con trâu cái màu đen hiện nay đã được khoảng 05 tuổi và đã đẻ được 01 con nghé khoảng 08 tháng tuổi.

Từ những nội dung trên có thể khẳng định nguyên đơn yêu cầu đòi lại bị đơn 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019 là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại thời điểm năm 2006 khi người làm chứng là ông Thào A B là bố đẻ của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận cho nguyên đơn tiếp tục ở cùng gia đình bị đơn thì giữa ông Thào A B và bị đơn chỉ thỏa thuận là cho anh G ở cùng với gia đình ông S vì tại thời điểm năm 2006 các con đẻ của ông S còn nhỏ, nhà ông S có nhiều ruộng, nếu gia đình không đủ nhân khẩu thì Nhà nước sẽ thu hồi đất ruộng nên cho anh G ở cùng cho có thêm nhân khẩu để Nhà nước không thu hồi đất, sau này khi anh G muốn lấy vợ thì ông S sẽ tổ chức và chia ruộng cho anh G làm ăn, coi anh G như con đẻ trong gia đình. Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2020 phía bị đơn nhất trí với mức tổ chức chi phí đám cưới cho anh G là hết số tiền 10.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông S tổ chức đám cưới cho anh G là hoàn toàn tự nguyện, theo lời khai của bị đơn và người làm chứng là ông Thào A S là theo phong tục của đồng bào dân tộc Mông là người nào đứng ra tổ chức đám cưới cho người cưới vợ thì phải để lại tài sản, con vật nuôi để sau này người đã đứng ra tổ chức đám cưới chết thì sẽ lấy tài sản, vật nuôi để làm lý, tuy phía bị đơn không chứng minh và khẳng định phong tục tập quán này không được ghi vào hương ước hay quy định nào của địa phương do đó Hội đồng xét xử thấy rằng phong tục tập quán này là lạc hậu, cần được xóa bỏ.

Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả lại 30 Bo thóc là số thóc mà nguyên đơn mượn ruộng của bị đơn canh tác trong 03 năm và số tiền nguyên đơn đã bỏ ra để tổ chức đám cưới cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn là ông S cho nguyên đơn là anh G 07 thửa ruộng để làm ăn đổi lại anh G phải đưa cho ông 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, đây là việc chuyển dịch tài sản các bên hoàn toàn tự nguyện, ông S không chứng minh được lời khai của mình cho rằng ông cho anh G 07 thửa ruộng là cho mượn, tuy nhiên đến năm 2014 phía bị đơn tự ý lấy lại 07 thửa ruộng này mà không thông báo gì cho phía anh G biết, nay ông S đòi lại 30 Bo thóc mà anh G canh tác trong 03 năm là không có căn cứ. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử cần bác đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Thào A S.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 109, 116, 117, 119, 122, 127, 131, 132, 158, 166, 167 Bộ luật Dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thảo A G đối với yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là ông Thảo A S trả lại giá trị 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019 do nguyên đơn không còn yêu cầu giải quyết. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Thảo A G, buộc bị đơn, ông Thảo A S phải trả lại cho anh Thảo A G 01 con cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019 (Hiện nay con trâu được khoảng 05 tuổi), hiện ông S đang chăn dắt.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Thảo A S đối với số tiền yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền đã tổ chức đám cưới cho nguyên đơn là 10.500.000 đồng và 30 Bo thóc.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S1 dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đây là vụ án tranh chấp về quyền đòi lại tài sản có giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 109, 116, 117, 119, 122, 127, 131, 132, 158, 166, 167 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S1 dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thảo A G đối với nội dung yêu cầu bị đơn ông Thảo A S trả 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi tại thời điểm năm 2012, đến thời điểm Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên đã định giá 01 con trâu khoảng 07 tuổi có giá trị 22.080.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thảo A G. Buộc bị đơn ông Thảo A S phải trả cho anh Thảo A G 01 con trâu cái, màu lông đen, khoảng 03 tuổi, có giá trị 13.360.000 đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên ngày 30/9/2019 (Hiện nay con trâu được khoảng 05 tuổi), hiện ông S đang chăn dắt, giao con trâu trên cho bị đơn, ông Thảo A S quản lý, chăm sóc để đảm bảo thi hành án.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Thảo A S đối với yêu cầu nguyên đơn là anh Thảo A G phải trả lại số tiền đã tổ chức đám cưới là 10.500.000 đồng và 30 Bo thóc.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Thảo A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 668.000 đồng và án phí phản tố không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 627.000 đồng.

Cộng hai khoản án phí ông Thào A S phải chịu 1.295.000 đồng. Xác nhận ông Thào A S đã nộp tiền tạm ứng án phí phản tố là 627.000 đồng tại biên lai số: AA/2010/0003455 ngày 25/10/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên. Ông Thào A S còn phải nộp thêm số tiền 668.000 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn, anh Thào A G số tiền tạm ứng án phí là: 750.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0002552 ngày 18/10/2017.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án cấp trên.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên ;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Thanh